

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2025/DS – ST
Ngày: 30 – 05 – 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Nam
- Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thụ lý số 229/2025/TLST – DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2025/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2025/QĐST – DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số D L, khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang.

2. Bị đơn: Bà Châu Xuân H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số C, đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và Nhà trọ Tuấn A, Phòng số 4) số 555/5, đường P, khóm T, phường M, thành phố L, An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt bà Nguyễn Thị Kim N, bà Châu Xuân H vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Bà làm chủ hui nhiều năm qua. Bà H với những người hui viên lâu năm của bà sinh sống cùng Nhà trọ Tuấn A và được sự giới thiệu của những hui viên này, bà đồng ý cho bà H tham gia 06 dây hui. Bà H thực hiện nghĩa vụ được 02 dây hui, còn lại 04 dây hui đã hót nhưng không nộp đầy đủ hui chết, cụ thể như sau:

- Dây hụi nửa tháng 1.000.000 đồng, gồm 27 phần, khai ngày 01/7/2023 mãn ngày 01/8/2024: bà H tham gia một phần, số thứ tự là số 5 với tên “Chị H” trong sổ hụi. Bà H hốt lần thứ 9, kê 280.000 đồng, hốt được số tiền 20.160.000 đồng. Bà đã giao hụi theo Biên lai giao hụi ngày 02/11/2023, bà giao tiền mặt cho bà H. Bà H nộp hụi chết được 20 lần thì ngưng, còn nợ lại 07 lần là 7.000.000 đồng.

- Dây hụi tuần 500.000 đồng, gồm 70 phần, khai ngày 30/12/2023, mãn ngày 26/4/2025: bà H tham gia 04 phần với tên “Chị H” số thứ tự 20, 21, 22, 23 trong sổ hụi. Tuy nhiên, bà H tham gia giùm em của bà và em của bà H đã hốt hụi vào các kỳ thứ 6, thứ 7 và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp hụi chết xong. Về bà H, hốt kỳ thứ 2 (ngày 06/01/2024), kê 200.000 đồng, hốt được 20.500.000 đồng. Bà đã giao hụi theo Biên lai giao hụi ngày 07/01/2024. Bà giao hụi thông qua chuyển khoản số tài khoản 010009654 mang tên bà Châu Xuân H mở ở Ngân hàng TMCP Q, chuyển vào ngày 08/01/2024 với số tiền 18.830.000 đồng do trừ lại 03 phần hụi sống 900.000 đồng và 770.000 đồng bà H mượn. Đến ngày 13/01/2024, bà H hốt kỳ thứ 3 (ngày 13/01/2024), kê 185.000 đồng, hốt được 21.705.000 đồng. Bà đã giao hụi bằng tiền mặt cho bà H theo Biên lai giao hụi ngày 07/01/2024. Sau khi hốt hụi xong, bà H có nộp hụi được 17 lần, còn nợ lại 53 lần với tiền là 53.000.000 đồng.

- Dây hụi tuần 300.000 đồng (dây 1), gồm 45 phần, khai ngày 20/02/2024, mãn ngày 24/12/2024: bà H tham gia 2 phần, với tên “Chị H” số thứ tự 40, 41 trong sổ hụi. Bà H hốt kỳ đầu tiên (ngày 20/02/2024), kê 75.000 đồng, hốt được 9.600.000 đồng. Bà giao hụi thông qua số tài khoản trên vào ngày 21/02/2024, số tiền chuyển khoản cho bà H là 8.475.000 đồng do có trừ 05 phần hụi sống là 1.125.000 đồng (trong đó có 01 phần của dây này và 02 phần hụi sống của dây số hai và 02 phần hụi sống của em bà H gia dây số 01 mang tên Mỹ, tham dây số 02 mang tên Mỹ). Đến ngày 08/3/2024, bà H hốt kỳ thứ 3, kê 100.000 đồng, hốt được số tiền 8.700.000 đồng. Bà giao tiền hốt được thông qua số tài khoản trên vào ngày 06/3/2024, số tiền chuyển là 7.560.000 đồng, trừ 1.140.000 đồng là 04 phần sống và 01 phần chết (trong đó, có 01 phần hụi chết của dây này và 02 phần hụi sống của dây số hai và 02 phần hụi sống của em bà H tham gia dây số 01 mang tên M, tham gia dây số 02 mang tên Mỹ). Sau đó, bà H nộp hụi chết được 09 kỳ, còn lại 36 kỳ là 21.600.000 đồng.

- Dây hụi tuần 300.000 đồng (dây 2), gồm 45 phần, khai ngày 20/02/2024, mãn ngày 24/12/2024: bà H tham gia 2 phần, với tên “Chị H” số thứ tự 40, 41 trong sổ hụi. Bà H hốt kỳ thứ 6 (ngày 26/3/2024), kê 90.000 đồng, hốt được 8.160.000 đồng. Bà giao hụi bằng tiền mặt cho bà H vào ngày 26/3/2024. Đến ngày 02/4/2024, bà H hốt kỳ thứ 7, kê 90.000 đồng, hốt được số tiền 8.160.000 đồng. Bà giao tiền hụi hốt cho bà H bằng tiền mặt vào ngày 03/01/2024. Sau đó, bà H nộp hụi chết được 09 kỳ, còn lại 36 kỳ là 21.600.000 đồng.

Quá trình giao tiền hụi hốt cho bà H, bà có làm biên lai giao tiền hụi, bà có ký tên bên chủ hụi và phía bên người nhận tiền thì bà H không có ký tên nhưng bà có giao bản chính các biên lai giao hụi này cho bà H giữ. Các dây hụi bà H tham gia hiện nay đã kết thúc, bà là chủ hụi nên đã trừ phần bà H để các hụi viên còn

lại được hốt. Thời gian qua, bà nhiều lần đến nhà trọ nơi bà H ở để yêu cầu trả lại cho bà tiền hui mà bà đã nộp thay. Ban đầu bà H có hứa hẹn, mẹ bà H cũng hứa hẹn nhưng không thực hiện và cố tình lẩn trốn. Hiện nay, bà H biết được bà đang khởi kiện nên có nhắn tin cho bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý. Nay, bà yêu cầu bà H trả tổng số tiền là 103.200.000 đồng (7.000.000 đồng + 53.000.000 đồng + 43.200.000 đồng). Bà không yêu cầu trả lãi. Hiện nay, bà H ở đâu bà không rõ nhưng bà biết bà H vẫn còn tới lui nhà trọ Tuấn A vì nơi này có mẹ và em của bà H đang sống ở đây.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS, vắng mặt trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn nộp cho thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện giao kết hợp đồng góp hui, bị đơn đã lĩnh được hui nhưng không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ góp hui, nguyên đơn là chủ hui đã góp thay phần tiền mà bị đơn không góp. Nay, các dây hui mà bị đơn vi phạm nghĩa vụ đã kết thúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 471 và Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú hợp pháp tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Theo kết quả xác minh tình trạng cư trú của bà Châu Xuân H thể hiện, bà H có đăng ký tạm trú và vẫn còn ở địa chỉ số E, đường P, khóm T, phường M, thành phố L. Tòa án tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 179 của BLTTDS cho bà H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà H tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là: bản chính Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/4/2024; bản chính Sổ hội nửa tháng 1 triệu, khai ngày 01/7/2023 mãn ngày 01/8/2024 và Biên lai giao hội ngày 02/11/2023; bản chính Sổ hội tuần 500.000đ khai ngày 30/12/2023, mãn ngày 26/4/2025 và Biên lai giao hội ngày 07/01/2024, 14/01/2024, bản chính Sổ hội tuần 300.000 đ (dây 1) khai ngày 20/02/2024 mãn ngày 24/12/2024, bản chính Sổ hội tuần 300.000 đ (dây 2) khai ngày 20/02/2024 mãn ngày 24/12/2024 và Biên lai giao hội các ngày 21/02/2024, 05/03/2024, 27/3/2024, 03/4/2024.

[4] Xét thấy, bà H vẫn còn cư trú tại địa chỉ đăng ký tạm trú nhưng không nộp cho Tòa án văn bản trình ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng, hòa giải và không có ý kiến phản bác. Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của BLTTDS và phải chịu hậu quả pháp lý cho hành vi này. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[5] Căn cứ vào các sổ hội, biên lai giao hội và sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có là đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà N và bà H tự nguyện xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng góp hội. Từ đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, Hội đồng xét xử căn vào Điều 471 của BLDS và Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ để xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy, bà H đã lĩnh hội (hốt hội) nhưng không tiếp tục góp hội để các thành viên khác được hốt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Phía bà N là chủ hội đã góp thay cho bà H các phần hội mà bà H không góp. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.580.000 (hai triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002547 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn phải chịu án phí là 5.160.000 (năm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm c khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc bà Châu Xuân H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim N tiền hội còn nợ là 103.200.000 (một trăm lẻ ba triệu hai trăm nghìn) đồng.

Số tiền này xuất phát từ: Dây hội nửa tháng 1.000.000 đồng (gồm 27 phần, mở ngày 01/7/2023 kết thúc ngày 01/8/2024), D hội tuần 500.000 đồng (gồm 70 phần, mở ngày 30/12/2023, kết thúc ngày 26/4/2025), D hội tuần 300.000 đồng (dây 1) (gồm 45 phần, mở ngày 20/02/2024, kết thúc ngày 24/12/2024) và D hội tuần 300.000 đồng (dây 2) (gồm 45 phần, mở ngày 20/02/2024, kết thúc ngày 24/12/2024).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.580.000 (hai triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002547 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà H phải chịu án phí là 5.160.000 (năm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.LX
- Chi cục THADS TP. LX;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh